PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐB
TRƯỜNG MN XÃ MƯỜNG PỒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Pồn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	81/81	203/203
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	81/81	203/203
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các mục tiêu	- Số trẻ 0-2 tuổi được đánh giá tròn tháng: 81 trẻ; trẻ đạt 81/81 đạt 100%.	+ Trẻ mẫu giáo 203 trẻ: Số trẻ được đánh giá theo các mục tiêu: 202/203 (01 trẻ khuyết tật không đánh giá). Trong đó: Số trẻ đạt từ 70% các mục tiêu trở lên: 202/202 đạt 100% Số trẻ đạt dưới 70% các mục tiêu: 0 trẻ. + Kết quả giáo dục lớp mẫu giáo 5 tuổi: Tổng số trẻ 71 trẻ (trong đó có 01 trẻ khuyết tật hòa nhập). Số trẻ 5 tuổi được đánh giá: 70/70 trẻ (01 trẻ khuyết tật không đánh giá) đạt yêu cầu theo các mục tiêu đánh giá 70/70 trẻ đạt tỷ lệ 100%. + Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non 70/70 trẻ đạt 100% về các lĩnh vực phát triển và 100% trẻ được bàn giao cho tiểu học.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Số học sinh được nuôi ăn bán trú ở trường: 284/284 đạt 100% - Bé chăm, ngoan: 275/284 cháu đạt 97%. - Bé sạch: 284/284 cháu đạt 100%. - Bé an toàn: 284/284 cháu đạt 100%.	

		+ Cân nặng bình thường: 275/284 trẻ đạt 97%; Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 9 chiếm 3%; Suy dinh dưỡng nhẹ cân mức độ nặng 0; + Chiều cao bình thường: 275/284 trẻ đạt 97%; Duy dinh dưỡng thể thấp còi: 9 chiếm 3%; Duy dinh dưỡng thể thâp còi mức độ nặng: 0; + Cân nặng chiều dài/chiều cao: BT 284/284 trẻ đạt 100%; Suy dinh dưỡng thể gầy còm 0 chiếm 0%; Béo phì 0 chiếm 0%. - Nhà trường đã chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ y tế trường học, bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc cho nhân viên y tế trường học thực hiện nhiệm vụ, kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe học sinh, đã cải tạo, sửa chữa các lớp học đã xuống cấp, bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng học tập, đồ chơi trẻ em, thuốc, trang thiết bị y tế đảm bảo hiện theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT- BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H. ĐIỆN BIÊN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ MƯỜNG PỒN

Chu Thị Hải Yến

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐB
TRƯỜNG MN XÃ MƯỜNG PỒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Pồn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	284			81	58	73	72
1	Số trẻ em nhóm ghép	76						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	284			81	58	73	72
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	1						1
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	284			81	58	73	72
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	284			81	58	73	72
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	284			81	58	73	72
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**							
1	*Số trẻ cân nặng bình thường*	243			68	47	61	67
2	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân*	40			13	11	12	5
3	*Số trẻ có chiều cao bình thường*	246			67	49	62	68
4	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi*	38			14	9	11	4
5	*Số trẻ thừa cân béo phì*	0						

VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	284			81	58	73	72
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	81			81			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	203				58	73	72

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H.ĐIỆN BIÊN T.ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ MƯỜNG PỒN

Chu Thị Hải Yến

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐB
TRƯỜNG MN XÃ MƯỜNG PỒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Pồn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	14	1,58
II	**Loại phòng học**	14	-
1	Phòng học kiên cố	6	1,5
2	Phòng học bán kiên cố	8	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	**Số điểm trường**	4	-
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	4.216,2m2	14,8
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	1000	3,5
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	504m^2	1,77
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	155m^2	0,52
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	250m^2	0,88
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*	60m^2	0,83
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*	60m^2	0,83
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	130m^2	0,45
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	10/14
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	4	4/14

VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	25	Số bộ/sân chơi (trường): 5 bộ/ 5 sân
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**	Máy tính: 12 bộ; Máy ảnh: 01 cái; Tivi: 10 cái; Máy chiếu: 09 cái	
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	…		

		Số lượng(m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	6	0,4	155m^2	0,54 m^2/ trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XIV	**Kết nối internet**	X	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	X	
XVI	**Tường rào xây**	X	
..	**....**		

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON XÃ MƯỜNG PỒN

Chu Thị Hải Yến

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐB
TRƯỜNG MN XÃ MƯỜNG PỒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Pồn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, QBQL và NV	27			23	2	2	0	0	16	8	16	8	0	0
I	**Giáo viên**	21			20	1			0	16	5	13	8	0	0
1	Nhà trẻ	7			7				0	4	3	2	5	0	0
2	Mẫu giáo	14			13	1				12	2	11	3	0	0
II	**Cán bộ quản lý**	3			3					0	3	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2	0	0	0
III	**Nhân viên**	3			0	1	2								
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	2				1	1								

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T. ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ MƯỜNG PỒN

Chu Thị Hải Yến